



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

NỘI DUNG	TRANG
Thông tin doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng (Mẫu số B 01 – DN)	5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (Mẫu số B 02 – DN)	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng (Mẫu số B 03 – DN)	8
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng (Mẫu số B 09 – DN)	10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Doanh nghiệp số**

0303576603

ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 7 tháng 9 năm 2023. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
Bà Chae Rhan Chun	Thành viên
	(từ ngày 24 tháng 4 năm 2023)
Ông Ji Han Yoo	Thành viên
	(đến ngày 24 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Thành viên
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Danny Le	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Michael Hung Nguyen	Phó Tổng Giám đốc

Ủy ban Kiểm toán

Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Danny Le	Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

23 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu nếu có đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo tài chính riêng này được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Danny Le

Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 1 tháng 3 năm 2024



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 23-01-00416-24-1



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4629-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.965.210.210.597	2.787.263.134.724
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	791.299.250.695	1.266.804.918.233
Tiền	111		601.299.250.695	26.980.918.233
Các khoản tương đương tiền	112		190.000.000.000	1.239.824.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	100.229.315.000
Chứng khoán kinh doanh	121	5(a)	-	100.229.315.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.095.126.640.513	1.351.974.885.831
Trả trước cho người bán	132		36.200.516.378	10.289.937.284
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6(a)	4.841.300.000.000	1.285.040.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	6(c)	217.626.124.135	56.644.948.547
Tài sản ngắn hạn khác	150		78.784.319.389	68.254.015.660
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		366.808.635	114.880.003
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.278.375.097	-
Thuế và các khoản khác phải thu				
Ngân sách Nhà nước	153		68.139.135.657	68.139.135.657
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.560.390.550.305	49.931.867.970.024
Các khoản phải thu dài hạn	210		25.810.501.284.306	35.448.105.352.506
Phải thu về cho vay dài hạn	215	6(b)	22.418.845.779.967	33.749.541.163.305
Phải thu dài hạn khác	216	6(d)	3.391.655.504.339	1.698.564.189.201
Tài sản cố định	220		6.529.038.799	10.755.917.774
Tài sản cố định hữu hình	221	7	6.529.038.799	10.755.917.774
Nguyên giá	222		52.374.616.405	52.090.499.223
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45.845.577.606)	(41.334.581.449)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		4.697.122.903	4.697.122.903
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.697.122.903)	(4.697.122.903)
Đầu tư tài chính dài hạn	250		19.435.202.077.636	14.334.572.280.099
Đầu tư vào các công ty con	251	5(b)	15.056.365.000.000	9.955.735.202.463
Đầu tư vào một công ty liên kết	252	5(c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
Tài sản dài hạn khác	260		308.158.149.564	138.434.419.645
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	308.158.149.564	138.434.419.645
TỔNG TÀI SẢN	270		51.525.600.760.902	52.719.131.104.748

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		29.930.061.111.439	31.082.432.803.141
Nợ ngắn hạn	310		6.120.501.603.741	20.693.324.607.581
Phải trả người bán	311		19.667.423.258	44.679.579.990
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	313		3.123.881.174	3.178.849.040
Phải trả nhân viên	314		49.538.702	49.538.700
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	9(a)	571.572.318.447	613.652.616.410
Phải trả ngắn hạn khác	319	10(a)	3.680.025.942.160	3.745.896.023.441
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	11	1.846.062.500.000	16.285.868.000.000
Nợ dài hạn	330		23.809.559.507.698	10.389.108.195.560
Chi phí phải trả dài hạn	333	9(b)	15.614.360.274	-
Phải trả dài hạn khác	337	10(b)	2.265.000.000.000	-
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	11	21.528.945.147.424	10.389.108.195.560
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		21.595.539.649.463	21.636.698.301.607
Vốn chủ sở hữu	410	12	21.595.539.649.463	21.636.698.301.607
Vốn cổ phần	411	13	14.308.434.060.000	14.237.247.830.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	13	8.723.077.701.079	8.723.127.701.079
Vốn khác của chủ sở hữu	414	15	(1.695.338.182.568)	(1.695.338.182.568)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		259.366.070.952	371.660.953.096
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		371.660.953.096	1.243.048.933.240
- Lỗ trong năm	421b		(112.294.882.144)	(871.387.980.144)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		51.525.600.760.902	52.719.131.104.748

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giám đốc Tài chính

Danny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	3.377.401.068.660	2.118.483.763.229
Chi phí tài chính	22	18	3.208.275.795.916	2.780.871.786.007
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.937.412.062.089	2.035.765.715.561
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	323.448.503.392	322.099.246.913
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(154.323.230.648)	(984.487.269.691)
Thu nhập khác	31		42.028.348.504	1.817.800.000
Kết quả của các hoạt động khác	40		42.028.348.504	1.817.800.000
Lỗ trước thuế	50		(112.294.882.144)	(982.669.469.691)
Lợi ích thuế thu nhập hiện hành	51	20	-	(111.281.489.547)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	20	-	-
Lỗ thuần sau thuế	60		(112.294.882.144)	(871.387.980.144)

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Phương pháp gián tiếp)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	1		(112.294.882.144)	(982.669.469.691)
Điều chỉnh cho				
Khấu hao	2		4.510.996.157	5.071.225.625
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		15.787.535.380	(254.719.183.834)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5		(3.376.204.268.660)	(1.858.245.596.915)
Chi phí lãi vay và chi phí khác	6		3.146.720.144.643	2.393.471.786.007
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8		(321.480.474.624)	(697.091.238.808)
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	9		(94.718.081.323)	309.150.375.082
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(3.423.497.926)	(185.568.586.360)
Biến động các khoản trả trước	12		(3.021.295.274)	1.574.472.655
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		100.229.315.000	(100.229.315.000)
			(322.414.034.147)	(672.164.292.431)
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.228.296.585.803)	(2.207.682.139.157)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.550.710.619.950)	(2.879.846.431.588)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.989.145.792)	(7.291.057.355)
Tiền chi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23		(8.028.100.000.000)	(38.400.063.749.202)
Tiền thu hồi cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24		15.802.535.383.338	6.174.698.427.045
Tiền chi cho các khoản đầu tư vốn	25		(7.131.621.000.000)	(6.384.875.188.341)
Tiền thu từ các thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần	26		2.030.991.202.463	35.045.376.163.305
Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và thu nhập khác từ hoạt động đầu tư	27		1.582.365.933.676	162.538.613.054
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.254.182.373.685	(3.409.616.791.494)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MASAN

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2023 VND	2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trừ đi chi phí phát hành liên quan	31		71.136.230.000	70.832.070.000
Tiền thu từ vay, phát hành trái phiếu và khác	33		26.076.659.767.850	17.548.763.000.000
Tiền trả nợ gốc vay, trái phiếu và khác	34		(27.326.868.000.000)	(13.852.150.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(1.138.971.922.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.179.072.002.150)	2.628.473.147.600
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(475.600.248.415)	(3.660.990.075.482)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.266.804.918.233	4.934.770.809.881
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		94.580.877	(6.975.816.166)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	791.299.250.695	1.266.804.918.233

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giám đốc Tài chính

Danny Le
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1 ĐƠN VỊ BÁO CÁO

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) và thực hiện các hoạt động huy động vốn và đầu tư trên quy mô tập đoàn và cho Công ty và các công ty thành viên.

Công ty sở hữu vốn trong các công ty con sở hữu trực tiếp, các công ty con sở hữu gián tiếp và các công ty liên kết (sau đây được gọi chung là “các công ty thành viên”), và thông qua các công ty này để tư vấn, và quản lý hoạt động kinh doanh ở các công ty khác trong Tập đoàn (được hiểu là “Công ty và các công ty thành viên”).

Doanh thu và thu nhập của Công ty đến từ hoạt động tư vấn quản lý và quản lý các khoản đầu tư tại các công ty thành viên trong Tập đoàn bao gồm các khoản thu nhập cổ tức được nhận từ các công ty thành viên, các khoản tiền lãi từ việc cho các công ty thành viên vay, lãi từ việc chuyển nhượng các công cụ tài chính và lãi từ việc chuyển nhượng vốn hoặc cổ phần của các công ty thành viên trong Tập đoàn và các khoản thu nhập hợp pháp khác.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Nhân sự Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 98 nhân viên (1/1/2023: 87 nhân viên).

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng này, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

(e) Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản vay có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND đã được dự phòng rủi ro hối đoái bằng các công cụ tài chính, được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

11/11/2023

M.S.C.M.

G.T. IN.H.H.
H
MINH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

CH
ON
H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(e) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 - 5 năm
- phương tiện vận chuyển 6 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đi vay trả trước

Chi phí đi vay trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian vay.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(h) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(i) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được sử dụng.

(k) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(l) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập cổ tức, thu nhập lãi tiền gửi, lãi chứng khoán kinh doanh, lãi cho vay, lãi từ thanh lý các khoản đầu tư và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay, trái phiếu và các khoản đặt cọc; chi phí vay và phát hành trái phiếu được phân bổ (sau đây được gọi chung là “chi phí đi vay”); lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)**3 NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(p) Kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên được phát hành theo giá được phê duyệt trong Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	-	64.826.703
Tiền gửi ngân hàng	601.299.250.695	26.916.091.530
Các khoản tương đương tiền	190.000.000.000	1.239.824.000.000
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền	791.299.250.695	1.266.804.918.233
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày giao dịch.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tiền và các khoản tương đương tiền với giá trị ghi sổ là 281.548 triệu VND (1/1/2023: 15.350 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 11).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn		
Chứng khoán kinh doanh (a)	-	100.229.315.000
	-	100.229.315.000
Đầu tư tài chính dài hạn		
Đầu tư vào các công ty con (b)	15.056.365.000.000	9.955.735.202.463
Đầu tư vào một công ty liên kết (c)	4.378.837.077.636	4.378.837.077.636
	19.435.202.077.636	14.334.572.280.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2023			1/1/2023		
	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND
Trái phiếu	-	-	-	1.000.000	100.229.315.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

	31/12/2023					1/1/2023				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH The SHERPA ("SHERPA")	100,0%	100,0%	14.956.355.000.000	-	(*)	99,9%	99,9%	7.824.754.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Zenith Investment ("Zenith")	100,0%	100,0%	100.010.000.000	-	(*)	99,9%	99,9%	99.990.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Masan MEATLife ("MML") (**)	-	-	-	-	(*)	78,7%	78,7%	2.030.991.202.463	-	(*)
			<u>15.056.365.000.000</u>	<u>-</u>	<u>(*)</u>			<u>9.955.735.202.463</u>	<u>-</u>	<u>(*)</u>

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

(**) Trong tháng 10 năm 2023, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ lợi ích vốn chủ sở hữu của Công ty trong MML cho Công ty TNHH Masan Agri (trước đây là "Công ty Cổ phần Masan Agri"), một công ty con sở hữu gián tiếp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty con trong năm như sau:

	SHERPA VND	Zenith VND	MML VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	7.824.754.000.000	99.990.000.000	2.030.991.202.463	9.955.735.202.463
Tăng trong năm	7.131.601.000.000	20.000.000	-	7.131.621.000.000
Thanh lý trong năm	-	-	(2.030.991.202.463)	(2.030.991.202.463)
Số dư cuối năm	14.956.355.000.000	100.010.000.000	-	15.056.365.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Đầu tư vào một công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư của Công ty vào một công ty liên kết như sau:

	31/12/2023					1/1/2023				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank")	14,9%	14,9%	4.378.837.077.636	-	16.673.232.868.200	14,9%	14,9%	4.378.837.077.636	-	13.553.555.649.150

Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023 của khoản đầu tư vào Techcombank được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết tại các ngày tương ứng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
■ Công ty Cổ phần Masan Blue, một công ty con sở hữu gián tiếp	1.661.500.000.000	-
■ Công ty TNHH The SHERPA, một công ty con sở hữu trực tiếp	1.559.600.000.000	197.700.000.000
■ Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, một công ty con sở hữu gián tiếp	616.500.000.000	197.240.000.000
■ Công ty TNHH Vonfram Masan, một công ty con sở hữu gián tiếp	600.000.000.000	600.000.000.000
■ Công ty TNHH Zenith Investment, một công ty con sở hữu trực tiếp	353.200.000.000	100.000.000
■ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan”), một công ty con sở hữu gián tiếp	33.000.000.000	-
■ Công ty Cổ phần Mobicast, một công ty con sở hữu gián tiếp	17.500.000.000	290.000.000.000
	4.841.300.000.000	1.285.040.000.000
	4.841.300.000.000	1.285.040.000.000

Các khoản cho vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay tương ứng. Các khoản cho vay này sẽ đáo hạn sau 12 tháng kể từ ngày giải ngân và lãi sẽ được thu vào ngày đáo hạn của nợ gốc vay.

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
■ Công ty Cổ phần Masan Blue, một công ty con sở hữu gián tiếp	22.198.845.779.967	33.749.541.163.305
■ Công ty Cổ phần Mobicast, một công ty con sở hữu gián tiếp	220.000.000.000	-
	22.418.845.779.967	33.749.541.163.305
	22.418.845.779.967	33.749.541.163.305

Các khoản cho vay này không có đảm bảo và hưởng lãi suất theo quy định trong các hợp đồng cho vay tương ứng. Các khoản cho vay này sẽ đáo hạn sau 3 đến 5 năm kể từ ngày giải ngân và lãi sẽ được thu vào ngày đáo hạn của nợ gốc vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU (tiếp theo)

(c) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Lãi phải thu từ các công ty con (*)	124.443.322.463	20.629.436.433
Lãi ngân hàng phải thu	-	2.948.328.184
Ký quỹ ngắn hạn	456.965.000	359.965.000
Phải thu khác từ các công ty con (**)	48.838.523.870	32.175.197.350
Phải thu khác	43.887.312.802	532.021.580
	<u>217.626.124.135</u>	<u>56.644.948.547</u>

(d) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2023	1/1/2023
	VND	VND
Lãi phải thu từ các công ty con (*)	3.386.575.640.287	1.693.602.863.149
Ký quỹ dài hạn	5.079.864.052	4.961.326.052
	<u>3.391.655.504.339</u>	<u>1.698.564.189.201</u>

(*) Lãi phải thu ngắn hạn và dài hạn từ các công ty con không có đảm bảo và phải thu vào ngày đáo hạn của các khoản cho vay tương ứng.

(**) Các khoản phải thu khác từ các công ty con không có đảm bảo, không hưởng lãi và phải thu theo yêu cầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

7 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nâng cấp tài sản thuê VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	35.681.203.528	9.790.272.240	6.619.023.455	52.090.499.223
Tăng trong năm	-	284.117.182	-	284.117.182
Số dư cuối năm	35.681.203.528	10.074.389.422	6.619.023.455	52.374.616.405
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	30.395.085.584	8.780.815.716	2.158.680.149	41.334.581.449
Khấu hao trong năm	2.781.395.271	626.430.311	1.103.170.575	4.510.996.157
Số dư cuối năm	33.176.480.855	9.407.246.027	3.261.850.724	45.845.577.606
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	5.286.117.944	1.009.456.524	4.460.343.306	10.755.917.774
Số dư cuối năm	2.504.722.673	667.143.395	3.357.172.731	6.529.038.799

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 36.905 triệu VND (1/1/2023: 27.855 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Chi phí đi vay trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	135.570.794.819	2.863.624.826	138.434.419.645
Tăng trong năm	223.161.781.655	5.851.632.728	229.013.414.383
Phân bổ trong năm	(56.207.418.378)	(3.082.266.086)	(59.289.684.464)
Số dư cuối năm	302.525.158.096	5.632.991.468	308.158.149.564

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay phải trả:		
■ Ngân hàng và trái chủ	358.710.995.351	433.713.876.021
■ Các bên thứ ba (Thuyết minh 10)	123.928.391.508	96.812.090.410
■ Một công ty con sở hữu gián tiếp (*)	-	6.209.952.129
Phí dịch vụ chuyên môn	2.225.808.000	4.206.366.566
Chi phí khác	86.707.123.588	72.710.331.284
	<u>571.572.318.447</u>	<u>613.652.616.410</u>

(*) Chi phí lãi vay phải trả cho một công ty con sở hữu gián tiếp không được đảm bảo và đã được hoàn trả toàn bộ trong năm.

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay phải trả cho các bên thứ ba (Thuyết minh 10)	<u>15.614.360.274</u>	<u>-</u>

10 PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đặt cọc nhận được từ các bên thứ ba cho các khoản đầu tư (*)	3.680.000.000.000	3.745.700.000.000
Cổ tức phải trả	25.942.160	25.942.160
Phải trả khác	-	170.081.281
	<u>3.680.025.942.160</u>	<u>3.745.896.023.441</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

10 PHẢI TRẢ KHÁC (tiếp theo)

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Đặt cọc nhận được từ các bên thứ ba cho các khoản đầu tư (*)	2.265.000.000.000	-
(*) Theo các hợp đồng hợp tác kinh doanh, Công ty cam kết cung cấp cho các bên thứ ba lợi tức đầu tư trên số tiền đặt cọc nhận được theo mức được quy định trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh tương ứng (Thuyết minh 9).		

11 VAY VÀ TRÁI PHIẾU

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn (a)		
Vay ngắn hạn	-	1.385.868.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	1.846.062.500.000	14.900.000.000.000
	<u>1.846.062.500.000</u>	<u>16.285.868.000.000</u>
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn		
Vay dài hạn (b)	13.338.010.000.000	5.940.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn (c)	10.036.997.647.424	19.349.108.195.560
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(1.846.062.500.000)	(14.900.000.000.000)
	<u>21.528.945.147.424</u>	<u>10.389.108.195.560</u>

(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2023 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Hoàn trả VND	
Vay ngắn hạn	1.385.868.000.000	6.134.600.000.000	(7.520.468.000.000)	-
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	14.900.000.000.000	1.846.062.500.000	(14.900.000.000.000)	1.846.062.500.000
	<u>16.285.868.000.000</u>	<u>7.980.662.500.000</u>	<u>(22.420.468.000.000)</u>	<u>1.846.062.500.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

11 VAY VÀ TRÁI PHIẾU (tiếp theo)

(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn (tiếp theo)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Công ty TNHH Tâm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tâm nhìn Masan”), một công ty con sở hữu gián tiếp	-	1.385.868.000.000

Khoản vay ngắn hạn từ một công ty con sở hữu gián tiếp không được đảm bảo và chịu lãi suất theo mức lãi suất được quy định trong các hợp đồng vay.

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Khoản vay hợp vốn có đảm bảo (*)	USD	2027-2028	13.338.010.000.000	5.940.000.000.000
Trong đó:				
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			446.062.500.000	-

(*) Khoản vay hợp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chịu lãi suất năm là SOFR + biên độ từ 2,9% đến 3,5% một năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, khoản vay hợp vốn của Công ty được đảm bảo bằng các tài sản sau:

- tiền gửi ngân hàng của Công ty;
- cổ phiếu phổ thông đã phát hành và các lợi ích liên quan của một công ty con sở hữu gián tiếp của Công ty; và
- được bảo lãnh bởi một công ty con sở hữu trực tiếp.

Trong năm, Công ty đã tuân thủ các điều khoản của các khoản vay trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty bảo lãnh cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của các công ty con với tổng giá trị ghi sổ lần lượt là 7.014.088 triệu VND và 28.602.235 triệu VND (1/1/2023: lần lượt là 5.135.218 triệu VND và 10.610.780 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

11 VAY VÀ TRÁI PHIẾU (tiếp theo)

(c) Trái phiếu phát hành dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các trái phiếu phát hành dài hạn hiện còn số dư như sau:

Bảo lãnh phát hành	31/12/2023 Giá trị ghi sổ VND	1/1/2023 Giá trị ghi sổ VND	Ngày đáo hạn	Lãi suất
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương				
				Từ 9,3% đến 11,5% một năm trong năm đầu tiên, và từ 2,5% đến 4,1% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.
■ Trái phiếu không đảm bảo	4.400.000.000.000	17.800.000.000.000	2024 - 2028	
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam				
				4,1% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.
■ Trái phiếu không đảm bảo	1.700.000.000.000	1.700.000.000.000	2027	
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB				
				Từ 11,45% đến 11,65% một năm trong năm đầu tiên, và 4,1% một năm cộng với bình quân lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng được chọn trong thời gian còn lại.
■ Trái phiếu không đảm bảo	4.000.000.000.000	-	2028	
Trái phiếu thường dài hạn theo mệnh giá	10.100.000.000.000	19.500.000.000.000		
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(63.002.352.576)	(150.891.804.440)		
	<u>10.036.997.647.424</u>	<u>19.349.108.195.560</u>		
Trong đó:				
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	<u>1.400.000.000.000</u>	<u>14.900.000.000.000</u>		

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty bảo lãnh cho các trái phiếu phát hành của các công ty con với tổng mệnh giá là 14.439.980 triệu VND (1/1/2023: 10.300.000 triệu VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

12 BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	11.805.346.920.000	11.084.246.541.079	(1.695.338.182.568)	2.382.028.759.640	23.576.284.038.151
Phát hành cổ phiếu mới	2.431.900.910.000	(2.361.118.840.000)	-	-	70.782.070.000
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	(871.387.980.144)	(871.387.980.144)
Cổ tức	-	-	-	(1.138.979.826.400)	(1.138.979.826.400)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	14.237.247.830.000	8.723.127.701.079	(1.695.338.182.568)	371.660.953.096	21.636.698.301.607
Phát hành cổ phiếu mới	71.186.230.000	(50.000.000)	-	-	71.136.230.000
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	(112.294.882.144)	(112.294.882.144)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	14.308.434.060.000	8.723.077.701.079	(1.695.338.182.568)	259.366.070.952	21.595.539.649.463

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

13 VỐN CỔ PHẦN VÀ THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2023		1/1/2023	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.430.843.406	14.308.434.060.000	1.423.724.783	14.237.247.830.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.430.843.406	14.308.434.060.000	1.423.724.783	14.237.247.830.000
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	1.430.843.406	14.308.434.060.000	1.423.724.783	14.237.247.830.000
Thặng dư vốn cổ phần	-	8.723.077.701.079	-	8.723.127.701.079

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Trong năm 2018, Công ty đã ký một thỏa thuận cấp cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. (“SK”), một cổ đông, một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ 109.899.932 cổ phiếu của Công ty đã phát hành vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 (“Ngày Hoàn Tất”) với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được trừ đi các khoản chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và các khoản phân phối bằng cổ phiếu mà Công ty đã trả cũng như các sự kiện gộp hay chia tách cổ phiếu và các sự kiện tương tự. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2023		2022	
	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu năm	1.423.724.783	14.237.247.830.000	1.180.534.692	11.805.346.920.000
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền (Thuyết minh 14)	7.118.623	71.186.230.000	7.083.207	70.832.070.000
Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	236.106.884	2.361.068.840.000
Số dư cuối năm	1.430.843.406	14.308.434.060.000	1.423.724.783	14.237.247.830.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)**14 KẾ HOẠCH VỀ QUYỀN CHỌN MUA CỔ PHẦN CHO NHÂN VIÊN**

Công ty có kế hoạch về quyền chọn mua cổ phần cho nhân viên dựa trên đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phiếu trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông Thường niên.

Trong tháng 7 năm 2023, Công ty đã phát hành 7.118.623 cổ phiếu (2022: 7.083.207 cổ phiếu) cho nhân viên theo giá đã được phê duyệt theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

15 VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

16 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**(a) Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng 1 năm	14.898.946.403	14.046.134.488
Từ 2 đến 5 năm	6.666.000.000	11.932.140.000
	21.564.946.403	25.978.274.488

(b) Ngoại tệ

	31/12/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	220	5.265.924	246	5.452.188

17 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng và các hoạt động đầu tư khác	76.907.954.315	26.356.364.584
Thu nhập lãi từ các khoản cho các công ty con vay	3.299.294.828.044	1.785.151.403.675
Thu nhập lãi từ các khoản cho bên thứ ba vay	1.486.301	46.737.828.656
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.196.800.000	260.119.183.834
Thu nhập khác	-	118.982.480
	3.377.401.068.660	2.118.483.763.229

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

18 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2023 VND	2022 VND
Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu và đặt cọc nhận được cho các hoạt động đầu tư	2.937.412.062.089	2.035.765.715.561
Chi phí phát hành trái phiếu	152.018.293.835	210.172.325.452
Chi phí đi vay khác	57.289.788.719	147.533.744.994
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	61.555.651.273	387.400.000.000
	<u>3.208.275.795.916</u>	<u>2.780.871.786.007</u>

19 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2023 VND	2022 VND
Chi phí khấu hao	4.510.996.157	5.071.225.625
Chi phí nhân viên, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	318.937.507.235	317.028.021.288
	<u>323.448.503.392</u>	<u>322.099.246.913</u>

20 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2023 VND	2022 VND
Lợi ích thuế thu nhập hiện hành Dự phòng thừa trong những năm trước		- (111.281.489.547)
		<u>- (111.281.489.547)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	%	2023 VND	%	2022 VND
Lỗ trước thuế	100%	(112.294.882.144)	100%	(982.669.469.691)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	20%	(22.458.976.429)	20%	(196.533.893.938)
Chi phí không được khấu trừ thuế	(2%)	2.661.583.428	(4%)	39.111.654.500
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	(18%)	19.797.393.001	(16%)	157.422.239.438
Dự phòng thừa trong những năm trước	-	-	11%	(111.281.489.547)
	-	-	11%	(111.281.489.547)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục này.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông là 20% trên lợi nhuận tính thuế.

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ cục thuế này đến cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc thanh tra của các cơ quan nhà nước khác nhau và các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế của Ban Tổng Giám đốc, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan nhà nước liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và ảnh hưởng có thể đáng kể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

21 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2023 VND	2022 VND
Công ty con sở hữu trực tiếp			
Công ty TNHH The SHERPA	Góp vốn	7.131.600.000.000	1.096.875.000.000
	Khoản cho vay đã cấp	3.156.100.000.000	210.200.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	1.794.200.000.000	12.500.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	73.231.057.537	990.617.260
	Chia sẻ chi phí	2.695.350.000	-
Công ty TNHH Zenith Investment (*)	Góp vốn	-	99.990.000.000
	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vốn	-	35.045.376.163.305
	Khoản vay đã nhận	1.200.000.000.000	-
	Khoản vay đã hoàn trả	1.200.000.000.000	-
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay nhận được	16.438.356	-
	Khoản cho vay đã cấp	353.200.000.000	100.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	100.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	2.421.101.370	3.294.522
	Mua chứng chỉ tiền gửi	131.653.205.300	-
	Thanh toán lãi trái phiếu	229.320.449.788	-
Công ty con sở hữu gián tiếp			
Công ty Cổ phần Masan MEATLife (trở thành công ty con sở hữu gián tiếp từ tháng 10 năm 2023)	Khoản vay đã nhận	-	258.600.000.000
	Khoản vay đã hoàn trả	-	2.921.350.000.000
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay nhận được	-	86.459.153.425
	Thanh toán lãi trái phiếu	-	12.207.522.956
	Chia sẻ chi phí	1.454.859.080	2.069.039.582

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

21 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2023 VND	2022 VND
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng	114.061.651	161.267.455
	Chia sẻ chi phí công nghệ thông tin	185.973.864	7.658.074.168
Công ty Cổ phần Masan Blue	Khoản cho vay đã cấp	1.661.500.000.000	34.945.386.163.305
	Khoản cho vay đã thu hồi	11.550.695.383.338	1.195.845.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	3.109.626.656.816	1.731.893.881.984
Công ty TNHH Tầm nhìn Masan (trước đây là “Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan”)	Khoản vay đã nhận	4.934.600.000.000	3.652.768.000.000
	Khoản vay đã hoàn trả	6.320.468.000.000	2.652.800.000.000
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay nhận được	160.096.840.305	55.801.194.595
	Khoản cho vay đã cấp	33.000.000.000	2.112.200.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	-	2.112.200.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	24.863.014	26.761.906.849
	Thanh toán lãi trái phiếu	12.062.315.157	33.944.700.276
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Khoản cho vay đã cấp	842.500.000.000	197.240.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	423.240.000.000	181.676.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	35.396.134.242	11.187.603.064
	Thu nhập từ đầu tư trái phiếu	2.199.552.913	-
	Chia sẻ chi phí	-	4.917.516.919
Công ty TNHH Vonfram Masan	Khoản cho vay đã cấp	-	600.000.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	48.000.000.000	8.203.958.904
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce	Khoản vay đã nhận	-	330.000.000.000
	Khoản vay đã hoàn trả	-	330.000.000.000
	Chi phí lãi vay từ các khoản vay nhận được	-	9.324.739.726
	Thanh toán lãi trái phiếu	176.472.854.388	224.876.838.265
	Mua hàng	4.909.065.144	7.342.909.264
	Chia sẻ chi phí	19.918.209.266	17.549.767.099
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco	Khoản cho vay đã cấp	2.151.800.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	2.151.800.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	2.803.191.781	-
	Mua hàng	28.936.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

21 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2023 VND	2022 VND
Công ty TNHH Masan Agri (trước đây là “Công ty Cổ phần Masan Agri”)	Khoản cho vay đã cấp	16.000.000.000	-
	Khoản cho vay đã thu hồi	16.000.000.000	-
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	697.191.779	-
	Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư vốn	2.030.991.202.463	-
Công ty TNHH MEATDeli HN	Mua hàng	1.259.842.307	1.842.239.661
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn	Mua hàng	155.337.876	148.343.098
Công ty Cổ phần Mobicast	Khoản cho vay đã cấp	5.500.000.000	290.000.000.000
	Khoản cho vay đã thu hồi	58.000.000.000	130.000.000.000
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay đã cấp	27.094.631.505	5.990.917.805
	Mua dịch vụ	113.370.694	150.141.178
Công ty Cổ phần The CrownX	Chia sẻ chi phí	212.772.569	648.000.000
	Lãi trái phiếu đã trả	945.644.466	-
Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage	Mua hàng	306.404.345	-
	Chia sẻ chi phí	2.803.191.781	5.255.525.798
Các bên liên quan khác			
Techcombank và các công ty con (**)	Trái phiếu phát hành (đại lý phát hành)	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
	Phí phát hành trái phiếu	15.000.000.000	33.150.000.000
	Mua chứng khoán kinh doanh	3.673.383.304.828	-
	Bán chứng khoán kinh doanh	3.573.153.989.828	100.229.315.000
Thành viên quản lý chủ chốt	Thù lao cho thành viên quản lý chủ chốt (***)	44.233.867.573	28,660,341,139

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)**21 CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các công ty con và các công ty liên kết của Công ty nắm giữ lần lượt 5.465.750 triệu VND và 647.181 triệu VND (1/1/2023: lần lượt là 2.347.639 triệu VND và 826.408 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty.

- (*) Trong năm, công ty con sở hữu trực tiếp này đã mua 5.450 tỷ VND trái phiếu phát hành của Công ty.
- (**) Tại ngày và cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 2022, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn, các chứng chỉ tiền gửi tại và các giao dịch đại lý với Techcombank và các công ty con theo các điều khoản giao dịch thông thường.
- (***) Các thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ủy ban Kiểm toán của Công ty không hưởng thù lao cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 2022.

Bao gồm trong thù lao trả cho thành viên quản lý chủ chốt, thù lao, lương và tiền thưởng thực tế của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị, từng thành viên trong Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty trong năm là:

Tên	Chức vụ	2023 VND	2022 VND
Hội đồng Quản trị			
Dr Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên	-	-
Bà Chae Rhan Chun	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2023)	-	-
Ông Ji Han Yoo	Thành viên (đến ngày 24 tháng 4 năm 2023)	-	-
Ông Nguyễn Đoan Hùng	Thành viên	-	-
Ông David Tan Wei Ming	Thành viên	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Ủy ban Kiểm toán			
Ông Nguyễn Đoan Hùng	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	-	-
Tổng Giám đốc			
Ông Danny Le			
<i>Lương, thưởng và các phúc lợi khác</i>		14.686.264.410	11.899.194.339

112042-6

Hi NHÁ
NG TY T
KPM

PHỔ HỒ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHO NĂM KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023 (tiếp theo)

22 SỰ KIỆN SAU NGÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng này.

Ngày 1 tháng 3 năm 2024

Người lập:



Nguyễn Huy Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Giám đốc Tài chính



Danny Le
Tổng Giám đốc



